

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đạt Thông

Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/HSST, ngày 29 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 15/10/1983 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; bị cáo có vợ và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 18/5/2024 chuyển sang tạm giam, đến ngày 10/10/2024 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T: Luật sư Huỳnh Chí T2 – Công ty L1, thuộc đoàn luật sư thành phố C. (có mặt)

2/ Lương Văn H, sinh ngày 24/02/1989 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1960; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 18/5/2024 chuyển sang tạm giam, đến ngày 10/10/2024 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn H:* Luật sư Huỳnh Chí T2 – Công ty L1, thuộc đoàn luật sư thành phố C. (có mặt)

3/ Lê Văn C1, sinh ngày 18/9/1993 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C2, sinh năm 1960 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024 chuyển sang tạm giam, đến ngày 09/7/2024 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/ Tào Vũ L, sinh ngày 12/01/1991 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tào Thanh T4, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2024 đến ngày 19/5/2024 được trả tự do, đến ngày 15/6/2024 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Tô Hà N2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2/ Lý Thị Kiều P, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn H và Nguyễn Thanh T có hùn vốn làm ăn mua bán tôm. Trong quá trình mua bán tôm H và T bị thua lỗ, mỗi người lỗ khoảng 200.000.000 đồng. Vào khoảng đầu năm 2024, T và H bàn bạc với nhau việc thực hiện hành vi gian dối trong lúc thu mua tôm từ các hộ nuôi tôm bằng cách tìm người biết tác động vào cân đồng hồ để thực hiện hành vi gian dối trong lúc cân tôm. Với những ao tôm trong lúc thu mua thực hiện được hành vi gian dối, số tiền thu được từ việc gian dối này sau khi trừ hết mọi chi phí sẽ chia đều nhau tiêu xài. Sau khi cả hai thống nhất, T đi tìm người biết cách thực hiện việc tác động lên cân đồng hồ để gian lận trong quá trình cân tôm. Đến khoảng đầu tháng 3 năm 2024, T gặp Tào Vũ L và anh Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1978, nơi cư trú khóm Trà Kha B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Trong lúc trò chuyện, T biết L và anh T5

có quen với Lê Văn C1 biết cách tác động vào cân đồng hồ để giảm số lượng ký tôm hiển thị qua cân. Lúc này, T thống nhất với L và anh T5 cùng thực hiện việc gian dối để chiếm đoạt số lượng tôm của chủ ao không hiển thị qua cân. Với mỗi lượt cân tôm gian dối thành công (một rổ), T sẽ trả cho nhóm của L và anh T5 số tiền từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng nếu tôm nhỏ, 150.000 đồng đến 170.000 đồng nếu tôm lớn tùy theo thời giá và lượng tôm gian dối được. Cả ba thống nhất cùng thực hiện với những trường hợp nào chủ ao thiếu chú ý quan sát và có điều kiện thuận lợi sẽ thực hiện việc gian lận bằng hình thức chiêm cân. Sau khi bàn bạc, anh T5 đến gặp Lê Văn C1 để kêu C1 làm cho T và C1 biết sẽ thực hiện việc chiêm cân trong lúc cân tôm nên C1 đồng ý. Sau đó, L cũng gặp C1 để bàn bạc việc làm cho Thế thì C1 đồng ý. Sau khi bàn bạc với L và anh T5, T báo lại cho H biết đã tìm được người biết cách tác động vào cân và báo giá cả, Hòa đồng ý và thống nhất khi nào đi bắt tôm sẽ cùng thực hiện.

Vào ngày 17/3/2024, T được anh Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1992, nơi cư trú ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giới thiệu mua 02 ao tôm thẻ của anh Nguyễn Thanh N1 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Ban đầu, T trả giá mua với số tiền 147.000 đồng/kg nhưng anh N1 không đồng ý bán. Đến ngày 18/3/2024, T và H đến xem, cả hai thống nhất mua với giá 150.000 đồng/kg, anh N1 đồng ý bán và hẹn đến sáng ngày 19/3/2024 sẽ bắt tôm. Sau khi thống nhất với chủ ao, T điện thoại cho L kêu đi bắt tôm. Khi nghe T điện, L biết và tìm kiếm nhân công để kéo tôm, phụ cân tôm, đồng thời thông báo cho C1 và anh T5 biết. Khi L thông báo, C1 tự biết và mang theo thanh nam châm lò xo đã chuẩn bị sẵn để thực hiện việc chiêm cân.

Đến khoảng 06 giờ ngày 19/3/2024, tất cả cùng đến khu vực ao nuôi tôm của anh N1 để tiến hành kéo tôm và cân tôm. H ở ngoài xe tải để coi xe và đông lạnh tôm, T và những người khác đi vào bên trong để kéo tôm và cân tôm. Khi các nhân công kéo tôm lên bờ, anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1989, nơi cư trú ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xách giỏ tôm từ dưới ao lên đến chỗ của anh Võ Văn T7, sinh năm 1992, nơi cư trú ấp G, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Anh T7 đổ tôm từ giỏ ra rổ rồi L lắc rổ tôm để cho tôm trong rổ nằm nghiêng bên nhiều bên ít, lấy nắp đậy tôm lại và quay hướng có ít tôm về phía chủ ao để chủ ao thấy tôm ít. Anh T8 là người để tôm lên cân cho C1 đọc chỉ số cân. Sau khi C1 đọc chỉ số cân xong, anh Trần Minh T9, sinh năm 1992, nơi cư trú ấp Cái Tràm A, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu đổ tôm vào bờ để nhóm xe chở tôm vận chuyển ra xe. T ngồi cạnh chủ ao để ghi sổ và đối chiếu lượng tôm cân được.

Ban đầu, việc cân tôm diễn ra bình thường. Đến khi cân được khoảng mười rổ, C1 nhìn thấy chủ ao không để ý, biết có thể chiêm cân được nên lấy lý do là tôm còn nhiều nước không cân được và cho ngưng cân. Khi nghe C1 nói vậy, L

và anh T8 hiểu ý C1 ra hiệu chuẩn bị thực hiện hành vi gian dối nên kêu cho anh T7 đổ tôm nhiều thêm. Lúc này, C1 dùng thanh nam châm lò xo tự chế, nam châm lò xo có đặc điểm là bằng kim loại, màu xanh, có tổng chiều dài khoảng 03cm, một đầu có gắn nam châm, một đầu gắn với một phần ốc vít đưa vào thanh đỡ giá cân đồng hồ hiệu Nhơn Hoà, loại 15 kg đang cân tôm (cân đồng hồ của chủ ao mang ra sử dụng). Do có thanh nam châm lò xo cản lại, khi giá cân đi từ trên xuống đến chỉ số khoảng 11 kg đến 12 kg, bị thanh nam châm lò xo cản lại không đi xuống được nữa nên anh T7 đổ 17 kg đến 18 kg tôm cũng chỉ hiển thị chỉ số cân là 11 kg đến 12 kg tôm. Trong suốt quá trình cân được 350 rổ tôm, trong đó C1 thực hiện việc chiêm cân và gian dối số lượng tôm của chủ ao 320 lần, mỗi lần từ 06 kg đến 07 kg tôm. Sau khi cân tôm xong, T điện thoại cho H báo số lượng tôm cân được của chủ ao là 3.658 kg và số tiền trả cho chủ ao là 548.700.000 đồng, sau đó H chuyển tiền mua tôm cho anh N1. Trên đường về, T báo với H số lượng mà nhóm của L đã thực hiện việc gian dối trong lúc cân tôm là 320 lượt cân, mỗi lượt là 170.000 đồng và kêu H chuyển cho L số tiền 54.400.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 54.400.000 đồng, L đưa lại cho anh T8 rồi anh T8 đưa cho C1 số tiền 9.600.000 đồng, đưa cho L số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại, anh T8 trả tiền cho nhân công kéo tôm và giữ tiêu xài cá nhân.

Sau khi mua tôm của anh N1, H đưa tôm về thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để thay nước và thêm đá. Đến sáng ngày 21/3/2024, H đem tôm đến Nhà máy C3 tại tỉnh Tiền Giang để bán. Do không thể trực tiếp vào bán cho Công ty A, H nhờ anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979, nơi cư trú khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau đứng đại diện. Anh V thông qua ông Nguyễn Hùng P1, sinh năm 1967, nơi cư trú khu phố I, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp bán vào công ty A. Kết quả số lượng tôm của anh N1 khi bán ra được là 6.856 kg, loại tôm 25 - 26 con/kg, với giá là 138.530 đồng/kg tương đương số tiền 949.556.000 đồng.

Sau khi bán tôm, do nghi ngờ H và T dùng thủ đoạn gian dối trong quá trình cân để chiếm đoạt số lượng tôm nên anh N1 trình báo đến Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành xác minh làm rõ, Lương Văn H, Nguyễn Thanh T, Tào Vũ L và Lê Văn C1 biết hành vi gian dối trong quá trình cân tôm của anh N1 đã bị phát hiện nên đến Cơ quan Công an đầu thú.

Trên cơ sở lượng tôm thực tế bán vào công ty A chênh lệch 3.198 kg so với lượng tôm H và T đã mua của anh N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành yêu cầu định giá giá trị số lượng tôm bị chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 17/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: 3.198 kg tôm thẻ, loại tôm 25 - 26 con/kg, đã qua đá có giá trị 463.710.000 đồng.

Ngày 18/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam, đối với Nguyễn Thanh T và Lương Văn H; đến ngày 14/6/2024 ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Lê Văn C1; ra quyết định khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Tào Vũ L về hành vi Lừa dối khách hàng để tiến hành điều tra làm rõ.

Trong quá điều tra đã chứng minh Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1 và Tào Vũ L là đồng phạm thực hiện hành vi Lừa dối khách hàng chiếm đoạt số lượng tôm của anh Nguyễn Thanh N1 tương đương với số tiền 463.710.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Thanh T5 cùng với Nguyễn Thanh T, Tào Vũ L và Lê Văn C1 bàn bạc về việc thực hiện hành vi gian dối lúc cân tôm nhưng hiện tại anh T5 không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn M1, anh Võ Văn T7 mỗi người được nhận số tiền 3.000.000 đồng nhưng việc Nguyễn Thanh T, Tào Vũ L và Lê Văn C1 bàn bạc để thực hiện hành vi gian dối lúc cân tôm thì anh T7 và anh M1 không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Minh T9 hiện tại không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Riêng ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Hùng P1 giúp Lương Văn H bán tôm vào công ty A nhưng ông V và ông P1 không biết đây là số lượng tôm do H và những người khác thực hiện hành vi gian dối mà có nên không xem xét xử lý.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tạm giữ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max có viền màu vàng đồng, lưng điện thoại màu trắng, số IMEI 1: 359984542391067, số IMEI 2: 359984542319225, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu đen, lưng điện thoại bị trầy xước, bộ nhớ Ram 8GB, bộ nhớ Rom 128GB, số IMEI 1: 869904056785879, số IMEI 2: 869904056785861. Bên trong có gắn hai sim: 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5325, 01 sim Vinaphone có dãy số 89840 20001 06967 39051, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, màu đen, bộ nhớ Ram 8 GB, bộ nhớ Rom 256 GB, số IMEI 1: 865858061821612, số IMEI 2: 865858061821604. Bên trong điện thoại có gắn hai sim: 01 sim có dãy số 8984 04800 03850 87062, 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5319, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, kiểu máy CPH2505, màu đen, số IMEI 1: 865858061443391, số IMEI 2: 865858061443383, số sê ri: 48fe4cb8. Bên trong có gắn thẻ sim V1 có dãy số 89840200010843302076 và sim V2 có dãy số 89840200010728438318, đã qua sử dụng.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) thanh nam châm lò xo tự chế, bằng kim loại, màu xanh, có tổng chiều dài 03 cm, một đầu có gắn nam châm, một đầu gắn với một phần ốc vít. Quá trình thực nghiệm điều tra, Lê Văn C1 đã chế tạo và giao nộp thanh nam châm lò xo đồng dạng và có cùng đặc điểm với thanh nam châm lò xo dùng để chiêm cân khi cân tôm của anh Nguyễn Thanh N1 vào ngày 19/3/2024.

Riêng thanh nam châm lò xo dùng để chiêm cân khi cân tôm của anh Nguyễn Thanh N1 thì Lê Văn C1 đã bỏ mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không giữ được.

Đối với 01 (một) cân đồng hồ hiệu Nhơn Hoà, màu xanh, có giá cân bằng kim loại, hình vuông, màu trắng, kích thước 24cm x 24cm, loại cân 15kg, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Thanh N1 dùng để cân tôm vào ngày 19/3/2024. Sau khi kiểm định do lường chất lượng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ra quyết định xử lý trả lại cho anh N1.

Tại Bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 28/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L về tội “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và thừa nhận Bản cáo trạng mô tả và truy tố các bị cáo về tội “Lừa dối khách hàng” là đúng với hành vi của các bị cáo thực hiện, các bị cáo không bổ sung tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên Bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 28/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L về tội “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và phân tích về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội

“Lừa dối khách hàng”, cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa dối khách hàng”, cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Tào Vũ L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Lừa dối khách hàng”, cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa dối khách hàng”, cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Quan điểm của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lương Văn H:* Thống nhất với quan điểm luận tội của vị đại diện viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thừa nhận hành vi phạm tội đã biết ăn năn hối cải, thành khẩn khai cáo, các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, đồng thời đã khắc phục thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ để các bị cáo chăm lo cho gia đình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên đã thực

hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lương Văn H: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lương Văn H khai và thừa nhận: Vào khoảng đầu năm 2024 do làm ăn mua bán tôm thua lỗ nên bị cáo T và bị cáo H bàn bạc để thực hiện hành vi gian dối trong lúc thu mua tôm bằng cách tác động vào cân đồng hồ trong lúc cân tôm mục đích để giảm số lượng ký tôm cân được mà không bị chủ ao tôm phát hiện, bị cáo T chủ động liên hệ gặp bị cáo L và anh Nguyễn Thanh T5 để tìm người tác động vào cân đồng hồ trong lúc cân tôm để thực hiện việc cân tôm gian dối. Đối với bị cáo Tào Vũ L và bị cáo Lê Văn C1 khai nhận: Sau khi được bị cáo T bàn bạc về việc cân tôm gian dối thì bị cáo L và anh T5 đã liên hệ với bị cáo C1 để kêu bị cáo C1 làm cho bị cáo T vì bị cáo C1 biết cách tác động vào cân trong lúc cân tôm và bị cáo C1 đồng ý và thống nhất để thực hiện hành vi cân tôm gian dối bằng cách dùng thanh nam châm lò xo tự chế đưa vào thanh đỡ giá cân đồng hồ. Với mỗi lượt cân tôm gian dối thành công (một rô), T sẽ trả cho nhóm của L và anh T5 số tiền từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng nếu tôm nhỏ, 150.000 đồng đến 170.000 đồng nếu tôm lớn tùy theo thời giá và lượng tôm gian dối được.

Đến khoảng 6 giờ ngày 19/3/2024 các bị cáo T, bị cáo H, bị cáo L, bị cáo C1 cùng đi đến ao nuôi tôm của anh N1 để tiến hành kéo tôm và cân tôm và thực hiện việc cân tôm gian dối chiếm đoạt số tiền 463.710.000 đồng. Đối với Nguyễn Thanh T5, Trần Minh T9 hiện nay không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn M1, anh Võ Văn T7 mỗi người được nhận số tiền 3.000.000 đồng nhưng việc Nguyễn Thanh T, Tào Vũ L và Lê Văn C1 bàn bạc để thực hiện hành vi gian dối lúc cân tôm thì anh T7 và anh M1 không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Hùng P1 giúp Lương Văn H bán tôm vào công ty A nhưng ông V và ông P1 không biết đây là số lượng tôm do H và những người khác thực hiện hành vi gian dối mà có nên không xem xét xử lý.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L về tội “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi các bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có đồng phạm, hành vi phạm tội của

các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tài sản của người bán hàng hóa được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa dối khách hàng trong mua bán hàng hóa là bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý phạm tội, vì mục đích vụ lợi cho bản thân. Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có mức hình phạt phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi thực hiện tội phạm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đầu thú về hành vi phạm tội, bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H và Tào Vũ L là lao động chính trong gia đình. Riêng bị cáo Nguyễn Thanh T có cha ruột tham gia cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H và Tào Vũ L, Lê Văn C1 có lỗi trong hành vi xâm phạm đến tài sản của bị hại anh Nguyễn Thanh N1 nên các bị cáo có trách nhiệm khắc phục toàn bộ tài sản thiệt hại của anh N1 được quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Các bị cáo Lương Văn H, Nguyễn Thanh T, Lê Văn C1 và Tào Vũ L đã khắc phục bồi thường cho anh Nguyễn Thanh N1 với tổng số tiền 362.600.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay: Bị hại anh Nguyễn Thanh N1 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng là điện thoại di động mà các bị cáo giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không liên quan đến việc sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại các điện thoại di động cho các bị cáo.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max có viền màu vàng đồng, lưng điện thoại màu trắng, số IMEI 1: 359984542391067, số IMEI 2: 359984542319225, đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn H.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu đen, lưng điện thoại bị trầy xước, bộ nhớ Ram 8GB, bộ nhớ Rom 128GB, số IMEI 1: 869904056785879, số IMEI 2: 869904056785861. Bên trong có gắn hai sim: 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5325, 01 sim Vinaphone có dãy số 89840 20001 06967 39051, đã qua sử dụng của bị cáo Tào Vũ L.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, màu đen, bộ nhớ Ram 8 GB, bộ nhớ Rom 256 GB, số IMEI 1: 865858061821612, số IMEI 2: 865858061821604. Bên trong điện thoại có gắn hai sim: 01 sim có dãy số 8984 04800 03850 87062, 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5319, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thanh T.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, kiểu máy CPH2505, màu đen, số IMEI 1: 865858061443391, số IMEI 2: 865858061443383, số sê ri: 48fe4cb8. Bên trong có gắn thẻ sim V1 có dãy số 89840200010843302076 và sim V2 có dãy số 89840200010728438318, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thanh T.

[9] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh và quan điểm của Luật sư bào chữa là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L phạm tội “Lừa dối khách hàng”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 198; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Tào Vũ L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo Lương Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max có viền màu vàng đồng, lưng điện thoại màu trắng, số IMEI 1: 359984542391067, số IMEI 2: 359984542319225, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Tào Vũ L 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu đen, lưng điện thoại bị trầy xước, bộ nhớ Ram 8GB, bộ nhớ Rom 128GB, số IMEI 1: 869904056785879, số IMEI 2: 869904056785861. Bên trong có gắn hai sim: 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5325, 01 sim Vinaphone có dãy số 89840 20001 06967 39051, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, màu đen, bộ nhớ Ram 8 GB, bộ nhớ Rom 256 GB, số IMEI 1: 865858061821612, số IMEI 2: 865858061821604. Bên trong điện thoại có gắn hai sim: 01 sim có dãy số 8984 04800 03850 87062, 01 sim VIETTEL có dãy số 89840 48000 01133 5319, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T 5G, kiểu máy CPH2505, màu đen, số IMEI 1: 865858061443391, số IMEI 2: 865858061443383, số sê ri: 48fe4cb8. Bên trong có gắn thẻ sim V1 có dãy số 89840200010843302076 và sim V2 có dãy số 89840200010728438318, đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lương Văn H, Lê Văn C1, Tào Vũ L mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Yên